

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 -2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đại
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án N dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
ông Phạm Thành Được- kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 224/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2018/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Quế H, sinh năm 1979; trú tại: Số 2, ấp Bình 1, xã Bình H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1974; trú tại: Số 2, ấp Bình 1, xã Bình H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/ 5/ 2018 của nguyên đơn chị Lê Thị Quế H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Năm 2001 chị H và anh Huỳnh Ngọc N tự nguyện sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn nhưng hai bên gia đình đều thừa nhận bà con xa gần đều biết. Trong thời gian 17 năm chung sống đã xảy ra nhiều bất đồng, chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh N nữa.

Chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Huỳnh Ngọc N.

* *Về con chung:* có 02 con chung tên Huỳnh Nhật Huy, sinh 2001 và Huỳnh Bảo Khanh, sinh 2007. Chị H yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

* *Tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung:* không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Ngọc N không đến dự phiên hòa giải cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N. Con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh Thúy là em dâu của anh N đúng theo quy định tại Điều 98 của BLTTDS. Thời gian xét xử đúng hạn so với quy định tại Điều 203 của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo khoản 2 quy định 227 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147 của BLTTDS; Căn cứ các Điều 14,15, 51,53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn N và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nhật Huy, sinh 2001 và cháu Huỳnh Bảo Khanh, sinh 2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Về án phí: buộc chị H phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn N: Năm 2001 chị H và anh N tiến đến hôn N trên cơ sở tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Theo lời trình bày của chị H thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, anh N không có bản khai ý kiến cũng như dự phiên hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 53 của luật hôn N và gia đình.

[3] Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Nhật Huy, sinh 2001 và Huỳnh Bảo Khanh, sinh 2007 hiện đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu nuôi con chung và anh N không có ý kiến phản hồi gì. Ý kiến của hai cháu Huy và Khanh là muốn sống chung với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cũng như điều kiện phát triển của hai cháu, theo quy định các khoản 2 và 3 của Điều 81 Luật hôn N và gia đình, Tòa án giao cháu Nhật Huy và Bảo Khanh cho chị H nuôi dưỡng.

Còn chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn N sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001546 ngày 17/05/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn N và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Quế H và anh Huỳnh Ngọc N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nhật Huy, sinh 2001 và Huỳnh Bảo Khanh, sinh 2007 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Anh N có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn N sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001546 ngày 17/ 05/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban N dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các ds;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong